

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 09/7/2020.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Phan Thị Nhưòng.

Chức vụ: Cán bộ liên đoàn lao động huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2/. Bà Mỏ Mãng.

Chức vụ: Chủ tịch hội phụ nữ xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Lường.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 09/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 409/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2019. Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy D. Sinh năm:1990

Trú tại: Số nhà 21 đường N, tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Trương Thanh H. Sinh năm:1988

Trú tại: Số nhà 08 đường Đ, tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, tại bản tự khai ngày 03/01/2020, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với ông Trương Thanh H vào năm 2015, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2015.

Sau khi về chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống lạnh nhạt với nhau mà không tự giải quyết được với nhau về mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa ngày hôm nay bà D có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trương Thanh H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D xác nhận, trong quá trình chung sống bà và ông H có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016, hiện nay cháu N đang ở với bà D.

Bà Nguyễn Thị Thùy D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trương Bảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Bà D không yêu cầu ông Trương Thanh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Bà D xác nhận, tôi là cán bộ công chức hiện đang công tác tại huyện Ủy Krông Pắc, chức vụ kế toán, theo quyết định tuyển dụng công chức số 992-QĐ/BTC, ngày 22/3/2013 của ban tổ chức tỉnh Ủy Đắk Lắk, mức lương hiện hưởng 6.682.427 đồng/1 tháng, được văn phòng huyện Ủy Krông Pắc ký xác nhận, do vậy tôi hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/02/2020, trong quá trình hòa giải bị đơn ông Trương Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Thùy D vào năm 2015, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2015.

Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng tôi không ở với nhau như vợ chồng được một ngày nào, tôi phải đi ở rể nhà vợ, tôi đã khuyên nhủ nói chuyện với bà D nhiều lần nhưng bà D không đồng ý về bên nhà nội ở chung sống với tôi, vì vậy giữa tôi và bà D luôn bất đồng quan điểm sống với nhau nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau. Nay bà D làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn với bà D vì con còn nhỏ.

- Về con chung: Ông Trương Thanh H xác nhận, trong quá trình chung sống ông H và bà D có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016, hiện nay cháu N đang ở với bà D. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà D ly hôn với ông H thì ông H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trương Bảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông H không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trương Thanh H không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Ngày 22/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Trương Thanh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trương Thanh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trương Thanh H quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thống nhất được với nhau trong việc sinh hoạt gia đình, ổn định chỗ ở. Vì vậy, vợ chồng sống lạnh nhạt với nhau mà không tự giải quyết được với nhau về mâu thuẫn trong gia đình nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa ngày hôm nay bà D có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trương Thanh H. Xét thấy tình cảm vợ chồng bà D và ông H không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D, cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Trương Thanh H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà D, ông H có 01(Một) con chung, cháu tên là Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016.

Bà D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trương Bảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông H cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trương Bảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà D phải cấp

dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con thực tế của bà D, ông H thì bà D hiện đang là cán bộ công chức công tác tại huyện Ủy Krông Pắc, chức vụ kế toán, theo quyết định tuyển dụng công chức số 992-QĐ/BTC, ngày 22/3/2013 của ban tổ chức tỉnh Ủy Đắk Lắk, mức lương hiện hưởng 6.682.427 đồng/1 tháng, được văn phòng huyện Ủy Krông Pắc ký xác nhận, còn đối với ông Trương Thanh H thì trong quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh mức thu nhập thực tế của ông H theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 02/2020/QĐ-CCTLCC, ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Qua kết quả xác minh tại địa phương xác định: Ông H làm nghề lái xe chở hàng thuê, mức thu nhập của ông H như thế nào chính quyền địa phương không xác định được, vì vậy không có cơ sở để xem xét về điều kiện nuôi con của ông Trương Thanh H đối với cháu Trương Bảo N.

Hiện nay cháu Nđang ở với bà D, để không bị xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt của cháu N, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

Ông Trương Thanh H được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trương Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D đề ngày 02/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 22/6/2020 cho bị đơn ông Trương Thanh H. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trương Thanh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trương Thanh H.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trương Thanh H quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thống nhất được với nhau trong việc sinh hoạt gia đình, ổn định chỗ ở. Vì vậy vợ chồng sống lạnh nhạt với nhau mà không tự giải quyết được với nhau về mâu thuẫn gia đình nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa ngày hôm nay bà D có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông Trương Thanh H, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Trương Thanh H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà D, ông H có 01 (Một) con chung, cháu tên là Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016.

Bà D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trương Bảo N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ông H cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trương Bảo N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con thực tế của bà D, ông H thì bà D hiện đang là cán bộ công chức công tác tại huyện Ủy Krông Pắc, chức vụ kế toán, theo quyết định tuyển dụng công chức số 992-QĐ/BTC, ngày 22/3/2013 của ban tổ chức tỉnh Ủy Đắk Lắk, mức lương hiện hưởng 6.682.427 đồng/1 tháng, được văn phòng huyện Ủy Krông Pắc ký xác nhận, còn đối với ông Trương Thanh H thì trong quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh mức thu nhập thực tế của ông H theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 02/2020/QĐ-CCTLCC, ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Qua kết quả xác minh tại địa phương xác định: Ông H làm nghề lái xe chở hàng thuê, mức thu nhập của ông H như thế nào chính quyền địa phương không xác định được, vì vậy không có cơ sở để xem xét về điều kiện nuôi con của ông Trương Thanh H đối với cháu Trương Bảo N.

Hiện nay cháu N đang ở với bà D, để không bị xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt của cháu N, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ông Trương Thanh H được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trương Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Trương Thanh H.

[2] Về con chung: Giao cháu Trương Bảo N, sinh ngày 06/8/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu ông Trương Thanh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ông Trương Thanh H được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trương Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thùy D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0003921, ngày 05/12/2019.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trương Thanh H (Vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P.
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Phạm Hồng Trường**